

Số: /BC-STTTT

Tuyên Quang, ngày 14 tháng 6 năm 2022

## **BÁO CÁO**

### **Công tác cải cách hành chính 6 tháng đầu năm 2022, phương hướng, nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2022**

Sở Thông tin và Truyền thông báo cáo kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính 6 tháng đầu năm 2022 phương hướng, nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2022 tại sở như sau:

#### **I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH**

##### **1. Công tác triển khai tổ chức thực hiện cải cách hành chính**

Đơn vị thường xuyên quan tâm chỉ đạo triển khai thực hiện nhiệm vụ cải cách thủ tục hành chính tại đơn vị. Trong các cuộc họp lãnh đạo đơn vị đã tổ chức quán triệt tới tất cả cán bộ, công chức các văn bản chỉ đạo, điều hành liên quan đến thủ tục hành chính như: Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 8/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 20/2008/NĐ-CP ngày 14/2/2010 của Chính phủ về tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về các quy định hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 – 2030; Quyết định 603/QĐ-UBND ngày 30/9/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Đề án đẩy mạnh cải cách hành chính, xây dựng chính quyền điện tử hướng tới Chính quyền số tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2021 – 2025, định hướng đến năm 2030; Kế hoạch số 225/KH-UBND ngày 24/12/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về việc ban hành kế hoạch công tác cải cách hành chính của tỉnh Tuyên Quang năm 2022. Kế hoạch 11/KH-UBND ngày 18/1/2022 của UBND tỉnh về ban hành kế hoạch Tuyên truyền cải cách hành chính tỉnh Tuyên Quang năm 2022; Kế hoạch số 26/KH-UBND ngày 18/1/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành kế hoạch thực hiện công tác kiểm soát thủ tục hành chính tỉnh Tuyên Quang năm 2022; Quyết định số 52/QĐ-UBND ngày 27/01/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Kế hoạch rà soát, đánh giá thủ tục hành chính năm 2022 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Đơn vị đã ban hành và triển khai Kế hoạch số 09/KH-STTTT ngày 26/01/2022 về ban hành kế hoạch cải cách hành chính năm 2022; Kế hoạch 18/KH-STTTT ngày 15/3/2022 về việc tuyên truyền cải cách hành chính của Sở Thông tin và Truyền thông

năm 2022; Quyết định số 29/QĐ-STTTT ngày 8/2/2022 về ban hành kế hoạch thực hiện công tác kiểm soát thủ tục hành chính năm 2022 của Sở Thông tin và Truyền thông tới toàn thể cán bộ, công chức, viên chức cơ quan; nghiêm túc triển khai tốt các nội dung theo kế hoạch đề ra.

Quyết định số 1058/QĐ-UBND ngày 2/8/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố danh mục 44 thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Thông tin và Truyền thông.

Quyết định 40/QĐ-UBND ngày 17/1/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Xuất bản, In và Phát hành thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Tuyên Quang

Quyết định số 1804/QĐ-UBND ngày 18/11/2021 của ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về việc công bố quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Thông tin và truyền thông.

Quyết định 560/QĐ-UBND ngày 20/5/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Bru chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Tuyên Quang

Bộ thủ tục hành chính hiện đang sử dụng gồm 45 bộ thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quyết định thuộc các lĩnh vực: Báo chí; Xuất bản, in và phát hành; Bru chính; Lĩnh vực phát thanh truyền hình và thông tin điện tử.

Triển khai xây dựng kế hoạch tiêu chuẩn quốc gia ISO 9001-2015 nhằm đảm bảo các Thủ tục hành chính được xử lý theo đúng các yêu cầu văn bản pháp quy liên quan.

Tổ chức niêm yết, cập nhật kịp thời các quy trình giải quyết thủ tục hành chính tại trụ sở làm việc và hình thức điện tử.

Hình thức điện tử gồm các trang như sau:

Trang thông tin điện tử của đơn vị địa chỉ <http://stttttuyenquang.gov.vn>

Cổng thông tin điện tử của tỉnh <http://tuyenquang.gov.vn>;

Dịch vụ công của tỉnh địa chỉ <https://dichvucong.tuyenquang.gov.vn>;

Dịch vụ công quốc gia <https://dichvucong.gov.vn/>

## **II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH**

### **1. Về cải cách thể chế.**

#### **1.1 Về việc ban hành văn bản quy phạm pháp luật.**

Chỉ đạo các phòng ban chuyên môn phối hợp với các phòng ban liên quan, các đơn vị liên quan xây dựng và trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành các văn bản Quy phạm pháp luật trong năm như sau:

Tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh công bố Danh mục 02 thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Xuất bản, In và Phát hành thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Tuyên Quang.

Tiếp tục tham mưu triển khai thực hiện Dự án Ứng dụng Công nghệ thông tin đẩy mạnh phát triển Chính quyền điện tử tỉnh Tuyên Quang; Triển khai thực hiện các bước tiếp theo về thuê dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 và phần mềm một cửa điện tử tại các cơ quan nhà nước tỉnh Tuyên Quang; Tham mưu, đề xuất xây dựng trực liên thông văn bản nội bộ tỉnh;

Tiếp tục tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt danh mục, lộ trình, trách nhiệm của từng cơ quan, đơn vị trong việc tích hợp, cung cấp dịch vụ công trực tuyến, thanh toán trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia trên địa bàn tỉnh năm 2022; Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước tỉnh Tuyên Quang, phát triển Chính phủ số/Chính quyền số và bảo đảm an toàn thông tin mạng giai đoạn 2021-2025 với Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh để triển khai đồng bộ, hiệu quả.

## **1.2. Công tác theo dõi thi hành pháp luật.**

- Kết quả rà soát: Trong năm 2022, Sở Thông tin và Truyền thông không có văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền ban hành của Ủy ban nhân dân tỉnh.

## **1.3. Về kiểm tra, rà soát văn bản quy phạm pháp luật.**

Công tác kiểm tra, rà soát văn bản QPPL tiếp tục được triển khai thực hiện nghiêm túc theo đúng tinh thần Nghị định 40/2010/NĐ-CP về kiểm tra văn bản QPPL, kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh về kế hoạch rà soát văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp ban hành theo chuyên đề về cải cách hành chính.

Căn cứ văn bản số 25/KH-UBND ngày 28/01/2022 của UBND tỉnh Tuyên Quang về việc theo dõi tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang năm 2022, Đơn vị đã ban hành kế hoạch số 15/KH-STTTT ngày 1/3/2022 về việc theo dõi thi hành pháp luật năm 2022 của Sở thông tin và Truyền thông.

Tổ chức niêm yết, cập nhật kịp thời các quy trình giải quyết thủ tục hành chính tại Trụ sở làm việc và tại Trang thông tin điện tử của đơn vị, Cổng thông tin điện tử của tỉnh.

Tiếp tục rà soát văn bản Quy phạm pháp luật thuộc lĩnh vực đơn vị quản lý, đơn vị rà soát văn bản quy phạm pháp luật không có nội dung không phù hợp.

## 2. Về cải cách thủ tục hành chính và thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông

### 2.1. Công tác kiểm soát thủ tục hành chính

Sở Thông tin và Truyền thông đã ban hành một số văn bản để chỉ đạo, triển khai và tổ chức thực hiện nhiệm vụ kiểm soát thủ tục hành chính<sup>1</sup>.

Đơn vị đã tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh trình công bố Danh mục 44 thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Tuyên Quang.

Bộ thủ tục hành chính hiện đang sử dụng gồm 45 thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quyết định thuộc các lĩnh vực: Báo chí; Xuất bản, in và phát hành; Bru chính; Lĩnh vực phát thanh truyền hình và thông tin điện tử.

Đơn vị đã công khai, niêm yết công khai bộ thủ tục hành chính theo đúng hướng dẫn tại thông tư 05/2015/TT-BTP tại Bảng thông báo thủ tục hành chính của đơn vị và tại trang dịch vụ công của tỉnh <http://dichvucong.tuyenquang.gov.vn>

Trang thông tin điện tử của đơn vị với địa chỉ <http://stttttuyenquang.gov.vn/> ,

Cổng thông tin điện tử của tỉnh <http://tuyenquang.gov.vn>

Cổng dịch vụ công quốc gia <http://www.dichvucong.gov.vn>

- Thực hiện rà soát, cắt giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính

Đơn vị đã thực hiện tốt việc cắt giảm tối thiểu 30% thời gian giải quyết TTHC theo quy định tại Kế hoạch hành động số 41/KH-UBND ngày 28/5/2016 của UBND tỉnh

- Kết quả thực hiện tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của các tổ chức, cá nhân theo quy định hiện hành của pháp luật: Trong 6 tháng đầu năm đơn vị không nhận được ý kiến phản ánh, kiến nghị của các tổ chức và cá nhân.

Giải quyết thủ tục hành chính : từ ngày 1/1/2022 đến ngày 10/6/2022 đơn vị đã thực hiện nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến đã tiếp nhận hồ sơ 56 hồ sơ.

STT	Tên hồ sơ tiếp nhận	Tổng số hồ sơ đã tiếp nhận	Kết quả giải quyết			Ghi chú
			Tổng số hồ sơ	Trước hạn	Đúng hạn	
I	Cộng I+II+III	56	56	56		

<sup>1</sup>- Kế hoạch số 09/KH-STTTT ngày 26 /1/2022 về ban hành kế hoạch cải cách hành chính năm 2022;

- Kế hoạch 18/KH-STTTT ngày 15/3/2022 về việc tuyên truyền cải cách hành chính năm 2022;

- Quyết định số 29/QĐ-STTTT ngày 8/2/2022 về ban hành kế hoạch thực hiện công tác kiểm soát thủ tục hành chính năm 2022

I	Lĩnh vực Báo chí	<b>12</b>	<b>12</b>	<b>12</b>			
1	Cấp giấy phép xuất bản bản tin (địa phương)	11	11	11			
2	Cho phép hợp báo (trong nước)	1	1	1			
II	Lĩnh vực Bưu chính	<b>1</b>	<b>1</b>	<b>1</b>			
	Cấp văn bản xác nhận thông báo hoạt động bưu chính	1	1	1			
III	Lĩnh vực Xuất bản, In và phát hành	<b>43</b>	<b>43</b>	<b>43</b>			
1	Cấp giấy phép xuất bản tài liệu không kinh doanh	43	43	43			

Thực hiện 4 tại chỗ (*tiếp nhận, thẩm định, phê duyệt và trả kết quả*) 02 hồ sơ;

Nhận và trả kết quả qua BCCI: Tổng số hồ sơ đã tiếp nhận qua BCCI là : 0 hồ sơ, quả kết quả 2 hồ sơ (*Số liệu thống kê từ 1/1/2022 đến 10/6/2022*). Các thủ tục hành chính đã được thực hiện đúng thời gian và các quy định hiện hành về thủ tục hành chính.

Về bố trí cán bộ đầu mối kiểm soát thủ tục hành chính: Đã bố trí đồng chí Giám đốc Sở và Chánh văn phòng là cán bộ đầu mối trong công tác cải cách hành chính của đơn vị.

## **2.2. Thực hiện cơ chế một cửa, Một cửa liên thông.**

Từ ngày 1/11/2021 đơn vị đã cử 01 đồng chí ra làm việc tại Trung tâm phục vụ hành chính công của tỉnh. Quyết định số 478/QĐ-UBND ngày 29/4/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về việc Phê duyệt danh sách nhân sự của Sở Thông tin và Truyền thông đến làm việc tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Tuyên Quang.

Đơn vị đã cử đồng chí Chánh Văn phòng là cán bộ là đầu mối kiểm soát thủ tục hành chính theo quyết định số 21/QĐ-STTTT ngày 26/2/2018 của Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Tuyên Quang về việc Phân công cán bộ làm đầu mối thực hiện nhiệm vụ kiểm soát thủ tục hành chính của Sở Thông tin và Truyền thông

Về niêm yết, công khai, sổ sách theo dõi tại bộ phận một cửa: Theo đúng quy định hiện hành của nhà nước.

## **3. Về cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước.**

Sở Thông tin và Truyền thông đã ban hành Kế hoạch số 28/KH-STTTT ngày 24/7/2018 thực hiện Kế hoạch số 68/KH-UBND ngày 02/7/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW và Kế hoạch số 30/KH-STTTT ngày 29/8/2018 thực hiện Kế hoạch số 67/KH-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh triển

khai thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW Hội nghị lần thứ sáu, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII.

Việc sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy tại cơ quan, đơn vị; thực hiện phân cấp quản lý nhà nước: Sở đã chỉ đạo rà soát, sắp xếp tổ chức bộ máy và kiện toàn chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu số lượng lãnh đạo, thực hiện sử dụng biên chế hành chính, số lượng người làm việc được giao của các cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định.

### **Công tác sắp xếp tổ chức bộ máy cơ quan hành chính.**

Đơn vị đã thực hiện theo Quyết định số 374/QĐ-UBND ngày 24/6/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc sắp xếp lại cơ cấu tổ chức của Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Tuyên Quang; đơn vị đã sắp xếp lại tổ chức bộ máy như sau:

*\* Cơ quan hành chính Sở Thông tin và Truyền thông hiện có 04 phòng chuyên môn, cụ thể:*

#### ***Tổ chức bộ máy***

- Văn phòng Sở
- Thanh tra Sở
- Phòng Thông tin- Báo chí- Xuất bản
- Phòng Quản lý Công nghệ thông tin và Bưu chính Viễn thông

#### ***Số lượng cấp trưởng, cấp phó của Sở Thông tin và Truyền thông.***

- + Giám đốc Sở: 01 người
- + Phó Giám đốc Sở: 01 người.
- + Trưởng phòng: 04 người.
- + Phó trưởng phòng: 04 người

*\* Đơn vị trực thuộc Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông*

#### ***Tổ chức bộ máy***

Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông hiện có 02 phòng trực thuộc, cụ thể:

- Phòng Kỹ thuật - Tổng hợp.
- Phòng Thông tin điện tử.

#### ***Số lượng cấp trưởng, cấp phó của Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông.***

- + Giám đốc Trung tâm: 01 người.
- + Phó Giám đốc Trung tâm: 0 người.
- + Trưởng phòng: 02 người

+ Phó trưởng phòng: 0 người.

### ***Thực hiện sử dụng biên chế***

Căn cứ Quyết định số 874/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh giao biên chế công chức và chỉ tiêu hợp đồng lao động theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP của Chính phủ trong các cơ quan, tổ chức hành chính nhà nước tỉnh Tuyên Quang năm 2022;

Quyết định 01/QĐ-STTTT ngày 5/01/2022 về việc Giao biên chế công chức và chỉ tiêu hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP của Chính phủ trong cơ quan Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Tuyên Quang năm 2022.

Số lượng biên chế công chức hành chính của Sở Thông tin và Truyền thông được đến năm 2021 là 22 công chức hành chính, 02 chỉ tiêu hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP.

Số lượng biên chế của các phòng được bố trí như sau:

- Văn phòng: 05 người và 02 hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP.
- Thanh tra: 04 người.
- Phòng Thông tin – Báo chí – Xuất bản: 05 người.
- Phòng quản lý Công nghệ thông tin và Bưu chính, viễn thông: 05 người

#### ***\* Đơn vị trực thuộc***

Sở Thông tin và Truyền thông đã thực hiện xong việc việc kiện toàn sắp xếp tổ chức Trung tâm công nghệ thông tin và Truyền thông thuộc Sở quản lý.

Quyết định 27/QĐ-UBND ngày 14/2/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc sắp xếp lại tổ chức của Trung tâm công nghệ Thông tin và Truyền thông thuộc Sở Thông tin và Truyền thông.

Căn cứ Quyết định số 853/QĐ-UBND ngày 30/12/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh giao số lượng người làm việc và chỉ tiêu hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP của Chính phủ trong các đơn vị sự nghiệp công lập tổ chức Hội của tỉnh Tuyên Quang năm 2022

Quyết định số 02/QĐ-STTTT ngày 5/1/2022 của Sở Thông tin và Truyền thông Giao số lượng người làm việc trong Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông thuộc Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Tuyên Quang năm 2022

### **4. Xây dựng vào nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.**

- Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành các văn bản<sup>2</sup>.

---

<sup>2</sup> - Quyết định số 504/QĐ-UBND ngày 31/12/2017 về việc phê duyệt bản mô tả công việc và khung năng lực theo danh mục vị trí việc làm của Sở Thông tin và Truyền thông;

- Quyết định số 1668/QĐ-UBND ngày 31/12/2018 phê duyệt danh mục vị trí việc làm, hạng chức danh nghề nghiệp tối thiểu, số lượng người làm việc của các đơn vị sự nghiệp công lập;

Đơn vị tiếp tục tập trung đẩy mạnh cải cách chế độ công vụ, công chức theo Quyết định số 1557/QĐ-TTg ngày 18/10/2012 của Thủ tướng Chính phủ. Thường xuyên tổng hợp báo cáo số lượng, chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức theo Thông tư số 11/2012/TT-BNV ngày 17/12/2012 của Bộ Nội vụ quy định về chế độ báo cáo thống kê và quản lý hồ sơ công chức. Việc tổ chức thi tuyển, tuyển dụng công chức đúng quy định, đảm bảo công bằng, khách quan, lấy người tài đúng tiêu chuẩn đề ra.

Quản lý sử dụng có hiệu quả biên chế hành chính được Ủy ban nhân dân tỉnh giao, điều chỉnh biên chế đối với các phòng chuyên môn, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở hợp lý; việc bố trí phân công sử dụng công chức đều dựa trên cơ sở yêu cầu công việc; bố trí đúng tiêu chuẩn chức danh, xây dựng cơ cấu công chức phù hợp; thường xuyên cử công chức đi đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ đội ngũ cán bộ, công chức đảm bảo đáp ứng tốt yêu cầu nhiệm vụ công tác được giao.

\* Tổ chức thực hiện kế hoạch tuyển dụng, tiếp nhận công chức, viên chức

a. Tuyển dụng, tiếp nhận công chức:

Chỉ tiêu tuyển dụng, tiếp nhận công chức: 0 chỉ tiêu

Kết quả tuyển dụng, và tiếp nhận công chức: 0 chỉ tiêu.

b. Tuyển dụng, tiếp nhận viên chức:

Chỉ tiêu tuyển dụng, tiếp nhận viên chức: 04 chỉ tiêu

Kết quả tuyển dụng, tiếp nhận viên chức: 04 chỉ tiêu

\* Về công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức.

Trong 6 tháng đầu năm đơn vị đã cử các đồng chí tham gia các lớp bồi dưỡng như sau:

- Trung cấp lý luận: 05 người

- Thanh tra viên chính: 01 người

- Thanh tra viên: 01 người

- Quản lý nhà nước: chương trình chuyên viên chính 02 người

\* Công tác bổ nhiệm, bổ nhiệm lại: không

## **5. Về cải cách tài chính công.**

### **5.1. Thực hiện đổi mới cơ chế quản lý đối với cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập:**

---

- Quyết định số 491/QĐ-UBND ngày 20/5/2021 về việc điều chỉnh, bổ sung vị trí việc làm, hạng chức danh nghề nghiệp tối thiểu và số lượng người làm việc tại Danh mục vị trí việc làm của Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông trực thuộc Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Tuyên Quang



## ***Đối với cơ quan hành chính***

Sử dụng hiệu quả trong việc phân bổ ngân sách và các nguồn lực sẵn có của đơn vị trong hoạt động của đơn vị; Thực hiện Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ đã đảm bảo quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tổ chức, biên chế và kinh phí trong thực hiện nhiệm vụ, kế hoạch UBND tỉnh giao hàng năm.

Để quản lý, sử dụng có hiệu quả, tiết kiệm kinh phí và tài sản đơn vị đã ban hành<sup>3</sup>:

### ***Đơn vị sự nghiệp***

Trung tâm công nghệ Thông tin và Truyền thông là đơn vị sự nghiệp công do Nhà nước bảo đảm toàn bộ chi phí hoạt động trực thuộc Sở Thông tin và Truyền thông có tư cách pháp nhân, có tài khoản và con dấu riêng được đăng ký tài khoản tại Kho bạc Nhà nước Tuyên Quang.

Sử dụng hiệu quả trong việc phân bổ ngân sách và các nguồn lực sẵn có của đơn vị trong hoạt động của đơn vị; Thường xuyên đổi mới cơ chế tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập cùng với việc đa dạng hóa nguồn nhân lực sẵn có của đơn vị sự nghiệp nhằm tăng cường sự tự chủ trong hoạt động của đơn vị theo đúng tinh thần nghị định 16/2015/NĐ-CP của Chính phủ đã đảm bảo quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tổ chức, biên chế và kinh phí trong thực hiện nhiệm vụ, kế hoạch UBND tỉnh giao hàng năm.

Để quản lý, sử dụng có hiệu quả, tiết kiệm kinh phí và tài sản Trung tâm Công nghệ thông tin và truyền thông đã ban hành<sup>4</sup>

Tham mưu trình Ủy ban nhân dân tỉnh tổng hợp báo cáo thẩm định phương án tự chủ theo nghị định 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ.

## **5.2. Thực hiện chế độ hỗ trợ cho cán bộ, công chức làm việc tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo nghị định số 08/NQ-HĐND ngày 17/7/2013 của Hội đồng nhân dân tỉnh.**

Đơn vị đã thực hiện chế độ hỗ trợ cho cán bộ, công chức làm việc tại bộ phận một cửa là 400.000đ/tháng; hỗ trợ cho cán bộ, công chức đầu mối thực hiện công tác kiểm soát thủ tục hành chính 200.000đ/ tháng

## **6. Hiện đại hóa nền hành chính nhà nước.**

### **6.1. Về ứng dụng công nghệ thông tin trong CCHC**

---

<sup>3</sup> Quyết định số 21/QĐ-STTTT ngày 19/01/2022 về việc ban hành quy chế chi tiêu nội bộ của Sở Thông tin và Truyền thông năm 2022

Quyết định số 15/QĐ-STTTT ngày 30/1/2019 về việc ban hành quy chế quản lý, sử dụng tài sản công

<sup>4</sup> Quyết định số 01/QĐ-TTCNTTTT ngày 3/01/2022 về việc ban hành quy chế chi tiêu nội bộ của Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông năm 2022.

100% các phòng chuyên môn của văn phòng sở và Trung tâm CNTT và Truyền thông thuộc Sở được kết nối mạng LAN và mạng Internet phục vụ công việc.

100% cán bộ, công chức, viên chức được trang bị máy tính được kết nối mạng internet.

Bố trí 01 bộ máy tính không có kết nối mạng để soạn thảo các văn bản mật.

Sở Thông tin và Truyền thông đã được UBND tỉnh trang bị 01 hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến và là đơn vị quản lý Hệ thống Hội nghị truyền hình của tỉnh, luôn đảm bảo 28 điểm cầu được kết nối thông suốt, đáp ứng yêu cầu kỹ thuật, phục vụ các cuộc họp, chỉ đạo điều hành của tỉnh.

Sở đã triển khai sử dụng phần mềm Quản lý văn bản và điều hành (do UBND tỉnh triển khai từ cấp tỉnh tới cấp xã) để trao đổi, xử lý văn bản điện tử từ ngày 01/3/2017. Có 40 tài khoản đã được tạo lập, cấp cho cán bộ, công chức, viên chức của Sở thường xuyên sử dụng phần mềm.

Sở đã được cấp 03 Chứng thư số tập thể và 06 Chứng thư số cá nhân. Đơn vị thường xuyên sử dụng chữ ký số tập thể và cá nhân để ký số trên phần mềm Quản lý văn bản.

Về tình hình triển khai dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4: Hiện nay Sở Thông tin và Truyền thông sử dụng Phần mềm Một cửa điện tử (thuộc Hệ thống Một cửa điện tử tỉnh Tuyên Quang):

Theo thống kê trên Cổng dịch vụ công trực tuyến tỉnh Tuyên Quang tại địa chỉ: <http://dichvucong.tuyenquang.gov.vn>, hiện nay Sở Thông tin và Truyền thông đã triển khai cung cấp: 44 dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4.

Hơn 40 tài khoản hòm thư điện tử công vụ của tỉnh (@[tuyenquang.gov.vn](mailto:tuyenquang.gov.vn)) đã được cấp cho tập thể, cán bộ, công chức của đơn vị. Đơn vị thường xuyên sử dụng thư điện tử công vụ phục vụ công việc.

Trang thông tin điện tử của Sở Thông tin và Truyền thông tại địa chỉ <http://sttt.tuyenquang.gov.vn/> đã thường xuyên cập nhật các tin, bài viết, các hoạt động liên quan tới lĩnh vực của ngành. Đáp ứng theo quy định tại Nghị định 43/2011/NĐ-CP ngày 13/6/2011 của Chính phủ.

Ngoài ra, đơn vị còn ứng dụng CNTT trong hoạt động quản lý nhà nước qua việc sử dụng các phần mềm, như: Phần mềm kế toán; Phần mềm Quản lý tài sản;...

Đơn vị đã triển khai, thực hiện đầy đủ và đúng quy định các văn bản chỉ đạo về ứng dụng công nghệ thông tin của Chính phủ, của Bộ Thông tin và Truyền thông và của UBND tỉnh. Ngoài ra, Sở Thông tin và Truyền thông là cơ quan chuyên môn tham mưu UBND tỉnh triển khai nhiều văn bản chỉ đạo điều hành về lĩnh vực CNTT, như:

Kết quả thực hiện Quyết định 411/QĐ-TTg ngày 24/3/2020; Quyết định 1083/QĐ-UBND ngày 7/8/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về phê duyệt danh mục dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 của tỉnh Tuyên Quang thực hiện tích

hợp cung cấp trên công Dịch vụ công Quốc gia năm 2020. Đơn vị đã triển khai tích hợp được 42 dịch vụ trên Cổng dịch vụ công Quốc gia.

## **6.2. Tình hình xây dựng, áp dụng, duy trì và cải tiến HTQLCL theo yêu cầu của Tiêu chuẩn Quốc gia TCVN ISO 9001 trong hoạt động của cơ quan, đơn vị:**

Sở Thông tin và Truyền thông đã ban hành triển khai kế hoạch số 41/KH-STTTT ngày 26/12/2018 về việc chuyển đổi xây dựng, áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 vào hoạt động của Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Tuyên Quang; Quyết định 143/QĐ-STTTT ngày 20/8/2021 của Sở Thông tin và Truyền thông về việc kiện toàn Ban Chỉ đạo, Tổ thư ký giúp việc Ban Chỉ đạo xây dựng và áp dụng Hệ thống Quản lý chất lượng theo TCVN ISO 9001:2015 trong cơ quan sở Thông tin và Truyền thông Tuyên Quang

+ Sở Thông tin và Truyền thông đã ban hành Quyết định 162/QĐ-STTTT ngày 16/12/2019 của Sở Thông tin và Truyền thông về việc ban hành và áp dụng hệ thống tài liệu quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn Quốc gia TCVN ISO 9001 : 2015; Quyết định 167/QĐ-STTTT ngày 28/12/2019 của Sở Thông tin và Truyền thông về việc công bố hệ thống quản lý chất lượng phù hợp tiêu chuẩn Quốc gia TCVN ISO 9001 : 2015.

- Việc cập nhật tài liệu, điều chỉnh, xây dựng mới các quy trình ISO theo sự thay đổi của TTHC và văn bản quy phạm pháp luật liên quan<sup>5</sup>.

## **7. Về Xây dựng và phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số.**

*- Kết quả hoàn thiện thể chế phục vụ xây dựng, phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số:*

Trong quý II, Sở đã tham mưu UBND tỉnh ban hành các văn bản: Quyết định số 641/QĐ-UBND ngày 06/6/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Ban hành Danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung tỉnh Tuyên Quang; Kế hoạch số 55/KH-UBND ngày 12/4/2022 của UBND tỉnh, thực hiện Nghị quyết của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (Khoá XVII) về chuyển đổi số tỉnh Tuyên Quang đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Kế hoạch số 01/KH-BCĐ ngày 21/4/2022 của Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số tỉnh Tuyên Quang về hoạt động của Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số tỉnh Tuyên Quang năm 2022; Kế hoạch số 69/KH-UBND ngày 27/4/2022 về hỗ trợ, thúc đẩy chuyển đổi số, thanh toán không dùng tiền mặt trong các trường học, cơ sở giáo dục và bệnh viện, cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2022-2025; Kế hoạch số 83/KH-UBND ngày 19/5/2022 của UBND tỉnh triển khai thực hiện Chương trình thúc đẩy phát triển và sử dụng các nền tảng số quốc gia phục vụ chuyển đổi số, phát triển chính phủ số, kinh tế số, xã hội số trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang; Kế hoạch số 84/KH-UBND ngày

---

<sup>5</sup> - Quyết định số 1058/QĐ-UBND ngày 2/8/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố Danh mục 44 thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Thông tin và truyền thông

- Quyết định 1804/QĐ-STTTT ngày 18/11/2021 của UBND tỉnh Tuyên về việc công bố Quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Thông tin và Truyền thông.

- Quyết định 40/QĐ-UBND ngày 17/1/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Xuất bản, In và Phát hành thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Tuyên Quang

19/5/2022 của UBND tỉnh thực hiện Đề án “Nâng cao nhận thức, phổ cập kỹ năng và phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030” trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang; Kế hoạch số 94/KH-UBND ngày 26/5/2022 của UBND tỉnh ban hành Kế hoạch chuyển đổi IPv6 trong các cơ quan nhà nước tỉnh Tuyên Quang, giai đoạn 2022-2025;...

Sở đã chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị tham mưu UBND tỉnh: dự thảo quy chế quản lý, vận hành và sử dụng hệ thống Hội nghị truyền hình tỉnh Tuyên Quang; Dự thảo Kế hoạch triển khai Nền tảng địa chỉ số quốc gia gắn với bản đồ số tỉnh Tuyên Quang;...

*- Kết quả xây dựng, phát triển hạ tầng kỹ thuật:*

Mạng thông tin di động hiện tại đã phủ sóng đến 99% các thôn bản, tổ nhân dân, đồng thời phủ sóng 4G và truyền dẫn cáp quang tới 100% các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh đảm bảo phù hợp với quy hoạch, với thực tế, đảm bảo chất lượng phủ sóng, đảm bảo an toàn, an ninh thông tin và mỹ quan đô thị. Tính tới quý II/2022, trên toàn tỉnh có 1.090 vị trí lắp đặt trạm thu phát sóng. Tất cả các trạm đã được trang bị thiết bị công nghệ 3G và trên 70% trong số đó đã lắp thiết bị công nghệ 4G. Đảm bảo trên 100% số thôn, bản, tổ nhân dân được phủ sóng điện thoại di động.

Chương trình Sóng và máy tính cho em đến nay đã nhận được sự ủng hộ của các doanh nghiệp, cơ quan đơn vị và các trường học trên địa bàn tỉnh đã ủng hộ với tổng số tiền gần 900 triệu triệu đồng, dự kiến có 325 máy tính sẽ được trao tặng cho các em học sinh trên địa bàn tỉnh phục vụ học tập.

*- Kết quả xây dựng, phát triển các hệ thống nền tảng.*

Các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh tiếp tục sử dụng hiệu quả các hệ thống dùng chung của tỉnh, như: Hệ thống Hội nghị truyền hình trực tuyến tỉnh Tuyên Quang; Hệ thống phần mềm Quản lý văn bản và điều hành; Hệ thống thư điện tử công vụ tỉnh Tuyên Quang; Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh Tuyên Quang,... để phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành từ cấp tỉnh tới cấp xã.

*- Kết quả xây dựng, phát triển dữ liệu.*

Thực hiện Kế hoạch số 04/KH-UBND ngày 11/01/2022 của UBND tỉnh triển khai thực hiện Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09/4/2020 của Chính phủ về quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang. Sở Thông tin và Truyền thông đã tham mưu UBND tỉnh ban hành Quyết định số 641/QĐ-UBND ngày 06/6/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Ban hành Danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung tỉnh Tuyên Quang

Thực hiện phối hợp với Công an tỉnh về việc đề nghị phối hợp khảo sát, kiểm tra công tác triển khai thực hiện Đề án 06 trên địa bàn tỉnh theo nội dung Văn bản số 2607/CAT-QLHC ngày 09/5/2022 của Công an tỉnh. Tham gia đoàn khảo sát kiểm tra công tác triển khai thực hiện đề án 06 theo Quyết định số 2651/QĐ-TCT68-CAT của

Tổ công tác triển khai Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử tại các cơ quan, đơn vị liên quan.

Hướng dẫn các cơ quan, đơn vị rà soát lại khối lượng kết quả giải TTHC thực hiện số hoá trong giai đoạn 2021-2025 theo Nghị định số 45/2020/NĐ-CP của Chính phủ (đối với các TTHC đang còn hiệu lực và có giá trị tái sử dụng theo đúng quy định tại Quyết định số 468/QĐ-TTg và Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 của Chính phủ về Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính), báo cáo UBND tỉnh tại văn bản số 89/BC-STTTT ngày 13/5/2022 về việc báo cáo Khối lượng kết quả giải quyết thủ tục hành chính đề xuất nhu cầu số hóa, lưu trữ bản điện tử của các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, giai đoạn 2021-2025

*- Kết quả xây dựng, phát triển các ứng dụng, dịch vụ nội bộ.*

Tính tới thời điểm hiện tại, tỷ lệ văn bản trao đổi giữa các cơ quan hành chính nhà nước hoàn toàn dưới dạng điện tử đạt 98%, tỷ lệ văn bản trao đổi giữa các cơ quan hành chính nhà nước dưới dạng điện tử và song song với văn bản giấy đạt 2%, các cơ quan, đơn vị thường xuyên sử dụng chữ ký số trong trao đổi văn bản điện tử giữa các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh. Tổng số văn bản trao đổi giữa các cơ quan nhà nước của tỉnh qua hệ thống Quản lý văn bản và điều hành đến cuối tháng 5/2022 là: 112.901 văn bản.

Tỷ lệ cán bộ công chức trong các cơ quan nhà nước của tỉnh được cấp tài khoản thư điện tử đạt 98% và thường xuyên sử dụng thư điện tử trong công việc.

Tiếp tục tham mưu triển khai ứng dụng chứng thư số chuyên dùng trong cơ quan nhà nước tỉnh Tuyên Quang: Tính đến tháng 05/2022, Sở Thông tin và Truyền thông đã cấp 1.742 chứng thư số, trong đó: Chứng thư số cá nhân là 1.101; chứng thư số của tổ chức là 427; sim ký số cá nhân là 214 và thường xuyên duy trì hoạt động của chữ ký số trong các cơ quan nhà nước tỉnh Tuyên Quang.

Hiện tại, Sở đang tham mưu triển khai giải pháp phòng chống mã độc cho máy vi tính của các cơ quan nhà nước tỉnh Tuyên Quang; thuê trực liên thông văn bản nội bộ tỉnh Tuyên Quang năm 2022.

*- Kết quả xây dựng, phát triển ứng dụng, dịch vụ phục vụ người dân, doanh nghiệp:*

Tiếp tục tham mưu hoàn thiện Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Tuyên Quang đáp ứng các yêu cầu thực tế. Tới cuối tháng 5/2022, hệ thống đã thực hiện cung cấp 1.870 dịch vụ công, trong đó 598 dịch vụ công mức độ 2, 228 dịch vụ công mức độ 3 và 1.044 dịch vụ công mức độ 4. Từ ngày 15/12/2021 đến 17/5/2022 tổng số hồ sơ tiếp nhận và giải quyết qua hệ thống là 75.639 hồ sơ (hồ sơ thực hiện dịch vụ công mức độ 2 là 10.185 hồ sơ; hồ sơ thực hiện dịch vụ công mức độ 3 là 37.270 hồ sơ; hồ sơ thực hiện dịch vụ công mức độ 4 là 28.184 hồ sơ).

Trong quý II/2022, Sở tiếp tục chỉ đạo các Doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực bưu chính trên địa bàn tỉnh tăng cường công tác đảm bảo an toàn, an ninh thông tin trong lĩnh vực bưu chính.

*- Kết quả xây dựng, phát triển đô thị thông minh:*

Hoàn thành thẩm định Đề án xây dựng Trung tâm thành phố Tuyên Quang theo hướng đô thị thông minh, giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030.

*- Kết quả cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và 4:*

Sở chủ trì, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị đề xuất các dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 thực hiện tích hợp lên Cổng DVC Quốc gia, trình UBND tỉnh tại Tờ trình số 51/TTr-STTTT ngày 06/5/2022, dự thảo Quyết định phê duyệt Danh mục dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 của tỉnh Tuyên Quang thực hiện tích hợp, cung cấp trên Cổng dịch vụ công Quốc gia năm 2022; tiếp tục đôn đốc các cơ quan, đơn vị thực hiện rà soát, cập nhật, đồng bộ dữ liệu TTHC và đánh giá thực hiện TTHC.

Đến thời điểm hiện tại, số dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và 4 của tỉnh được tích hợp trên Cổng Dịch vụ công quốc gia là: 582 dịch vụ công. Có 1.784/1.870 thủ tục hành chính đang thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ Bưu chính công ích. Từ ngày 01/01/2022 đến hết 20/5/2022, dịch vụ Bưu chính công ích đã thực hiện tiếp nhận: 4.749 hồ sơ, tăng 1.320 hồ sơ so với tháng 4/2022 (trong đó, 4.506 hồ sơ của các cơ quan nhà nước và 243 hồ sơ của các cơ quan ngành dọc trên địa bàn tỉnh), trả kết quả: 65.376 hồ sơ, tăng 8.428 hồ sơ so với tháng 4/2022 (trong đó, 14.361 hồ sơ của các cơ quan nhà nước và 51.015 hồ sơ của các cơ quan ngành dọc trên địa bàn tỉnh) thực hiện các thủ tục hành chính.

### **III. ĐÁNH GIÁ CHUNG**

#### **1. Mặt tích cực**

Trong thời gian qua, các cơ quan, đơn vị đã tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin theo các văn bản chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh; tiếp tục triển khai thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch số 204/KH - UBND ngày 25/11/2021 của UBND tỉnh phát triển Chính quyền số và bảo đảm an toàn thông tin mạng tỉnh Tuyên Quang năm 2022; Kế hoạch số 55/KH-UBND ngày 12/4/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện Nghị quyết của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (Khóa XVII) về chuyển đổi số tỉnh Tuyên Quang đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 và Kế hoạch số 01/KH-BCĐ ngày 21/4/2022 của Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số tỉnh Tuyên Quang về hoạt động của Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số tỉnh Tuyên Quang năm 2022.

Cán bộ, công chức tại các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh thường xuyên sử dụng thư điện tử công vụ, hệ thống Quản lý văn bản và điều hành để phục vụ công tác chuyên môn; tích cực sử dụng Hệ thống Hội nghị truyền hình trực tuyến để phục vụ công tác chỉ đạo điều hành các cấp; thực hiện tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC của người dân và doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh nhanh chóng.

Công thông tin điện tử tỉnh Tuyên Quang và các Trang thông tin điện tử của các cơ quan, đơn vị đã bám sát các quy định của Chính phủ, Bộ, ngành, địa phương tạo môi trường giao tiếp giữa người dân, doanh nghiệp với chính quyền, đưa tin, bài phản ánh các hoạt động kinh tế, chính trị, xã hội trên địa bàn tỉnh, trong nước và quốc tế; kịp thời công bố các văn bản chỉ đạo, điều hành của tỉnh; công khai tiến độ giải quyết hồ sơ, văn bản đi, đến của các sở, ban, ngành; đăng tải các dịch vụ công trực tuyến;...

## **2. Những khó khăn, hạn chế**

- Cổng dịch vụ công và Hệ thống thông tin Một cửa điện tử tỉnh triển khai từ năm 2018 với hình thức thuê dịch vụ công nghệ thông tin, các chức năng cơ bản đáp ứng các yêu cầu thực tế tại thời điểm đó. Tuy nhiên, đến thời điểm hiện tại để đáp ứng các yêu cầu phát triển, kết nối dữ liệu dân cư; tích hợp, kết nối với các hệ thống của Bộ ngành đảm bảo thực hiện được một số nhiệm vụ mới cần phải chi trả kinh phí cao hơn cho việc thuê dịch vụ công nghệ thông tin.

- Nền tảng dung chung tích hợp chia sẻ các hệ thống thông tin quy mô cấp tỉnh (LGSP) đã hoàn thành, nhưng chưa kết nối với các hệ thống thông tin của các sở, ngành và các Bộ do các Bộ, sở, ngành chưa có yêu cầu kết nối.

- Nguồn kinh phí chi cho Chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh còn hạn chế, vì vậy tiến độ triển khai thực hiện các nhiệm vụ về xây dựng phát triển Chính quyền số, Kinh tế số, Xã hội số còn chưa được nhanh chóng, kịp thời so với yêu cầu thực tế.

## **IV. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ 6 THÁNG CUỐI NĂM 2022**

1. Thường xuyên tuyên truyền, phổ biến các Nghị định, chỉ thị về cải cách thủ tục hành chính của cấp trên tới toàn thể cán bộ, công chức, viên chức đơn vị.

2. Thường xuyên nâng cấp hệ thống Cổng dịch vụ công trực tuyến tỉnh Tuyên Quang tại địa chỉ: <http://dichvucong.tuyenquang.gov.vn>,

3. Tổ chức công khai, công bố, niêm yết Bộ thủ tục hành chính trên các phương tiện thông tin đại chúng, website của đơn vị. Thực hiện nghiêm việc rà soát, sửa đổi, cập nhật thường xuyên, kịp thời những TTHC được sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc hủy bỏ.

4. Tăng cường hiện đại hóa Công nghệ thông tin trong cải cách hành chính.

5. Tiếp tục kiện toàn và nâng cao chất lượng đội ngũ làm công tác kiểm soát thủ tục hành chính và cán bộ đầu mối thực hiện. Thường xuyên kiện toàn bộ phận thực hiện nhiệm vụ kiểm soát thủ tục hành chính của đơn vị đảm bảo phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ đề ra.

6. Sở Thông tin và truyền thông là cơ quan tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện một số mục tiêu cụ thể về xây dựng Chính quyền điện tử hướng tới Chính quyền số tỉnh Tuyên Quang trong 6 tháng cuối năm đơn vị tiếp tục tham mưu UBND tỉnh triển khai một số nội dung sau:

- Tiếp tục chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị triển khai các nhiệm vụ được UBND tỉnh giao tại Kế hoạch số 204/KH-UBND ngày 25/11/2021 về phát triển Chính quyền số và bảo đảm an toàn thông tin mạng tỉnh Tuyên Quang năm 2022; Kế hoạch số 55/KH-UBND ngày 12/4/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện Nghị quyết của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (Khóa XVII) về chuyển đổi số tỉnh Tuyên Quang đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 và Kế hoạch số 01/KH-BCĐ ngày 21/4/2022 của Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số tỉnh Tuyên Quang về hoạt động của Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số tỉnh Tuyên Quang năm 2022.

- Tiếp tục tham mưu triển khai thành lập các Tổ công nghệ số cộng đồng tại các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang tới 100% các xã, thôn xóm trên địa bàn các huyện, thành phố; tích cực chỉ đạo thực hiện Chương trình thúc đẩy phát triển và sử dụng các nền tảng số quốc gia phục vụ chuyển đổi số, phát triển chính phủ số, kinh tế số, xã hội số trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

- Hoàn thành việc Nâng cấp Cổng dịch vụ công trực tuyến và hệ thống một cửa điện tử (Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh) đáp ứng các yêu cầu kết nối theo Kế hoạch số 32/KH-UBND ngày 18/02/2022 của UBND tỉnh về Triển khai thực hiện Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến 2030 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, bảo đảm hoàn thành tiến độ đặt ra theo Đề án 06, đặc biệt là thực hiện kết nối, khai thác hiệu quả Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để giảm giấy tờ cho người dân, doanh nghiệp khi thực hiện các dịch vụ công trực tuyến (hoàn thành trong tháng 6 năm 2022).

- Triển khai, xây dựng phần mềm số hoá và kho quản lý dữ liệu điện tử để lưu trữ hồ sơ cá nhân, kết quả giải quyết TTHC của công dân, tổ chức có tài khoản trên Cổng Dịch vụ công của tỉnh, quản lý được thời hạn hiệu lực của hồ sơ; tự động điền thông tin từ kho dữ liệu khi công dân, tổ chức đăng ký hồ sơ trực tuyến. Thực hiện số hóa, tạo lập dữ liệu về kết quả giải quyết TTHC Phần đầu thực hiện theo Kế hoạch số 13/KH-UBND ngày 21/01/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh giai đoạn 2020 - 2025 theo Nghị định số 45/2020/NĐ-CP của Chính phủ.

#### **IV. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT**

Sở Thông tin và Truyền thông kính đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định: phê duyệt Kế hoạch thuê dịch vụ công nghệ thông tin: “Thuê Cổng Dịch vụ công trực tuyến và Hệ thống thông tin một cửa điện tử các cơ quan nhà nước tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2022-2023”; phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu “Thuê Hệ thống quản lý văn bản và điều hành công việc trong các cơ quan, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang năm 2022”;... để Sở Thông tin và Truyền thông tiếp tục triển khai thực hiện các nhiệm vụ được giao đảm bảo tiến độ theo yêu cầu.

Sở Thông tin và Truyền thông trân trọng báo cáo./.



***Nơi nhận:***

- Sở Nội vụ; (tổng hợp)
- Ban Giám đốc;
- Lưu VT, VP, P.

**GIÁM ĐỐC**

**Vũ Tuấn**

**Phụ lục 02**

**THỐNG KÊ SỐ LIỆU VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH TẠI CÁC CƠ QUAN CHUYÊN MÔN, CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC THUỘC UBND TỈNH; UBND CẤP HUYỆN**

*(Kèm theo Văn bản số /BC-STTTT ngày /6/2022 của Sở Thông tin và Truyền thông)*

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
<b>1</b>	<b>Công tác Chỉ đạo điều hành CCHC</b>	<b>Văn bản</b>		
<b>1.1</b>	<b>Số văn bản chỉ đạo CCHC đã ban hành</b> <i>(Kết luận, chỉ thị, công văn chỉ đạo, quán triệt)</i>	<b>Văn bản</b>	2	
<b>1.2</b>	<b>Tỷ lệ hoàn thành Kế hoạch CCHC năm</b> <i>(Lũy kế đến thời điểm báo cáo)</i>	<b>%</b>		
1.2.1	Số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch	Nhiệm vụ	6	
1.2.2	Số nhiệm vụ đã hoàn thành	Nhiệm vụ	2	
<b>1.3.</b>	<b>Kiểm tra CCHC</b>			
1.3.1	Số phòng, ban, đơn vị trực thuộc đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị	1	
1.3.2	Số UBND cấp xã đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị		
1.3.3	Tỷ lệ xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra	%		
1.3.3.1	Số vấn đề phát hiện qua kiểm tra	Vấn đề	0	
1.3.3.2	Số vấn đề phát hiện đã xử lý xong	Vấn đề	0	
<b>1.4</b>	<b>Thanh tra việc thực hiện quy định pháp luật về tuyển dụng, quản lý, sử dụng công chức, viên chức và tổ chức bộ máy</b> <i>(thuộc thẩm quyền của Sở Nội vụ)</i>			
1.4.1	Số cơ quan, đơn vị được thanh tra	%		
1.4.2	Tỷ lệ cơ quan, đơn vị đã hoàn thành việc thực hiện kết luận thanh tra	%		
<b>1.5</b>	<b>Thực hiện nhiệm vụ UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao</b>			

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.5.1	Tổng số nhiệm vụ được giao	Nhiệm vụ	26	
1.5.2	Số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn	Nhiệm vụ	20	
1.5.3	Số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng quá hạn	Nhiệm vụ		
1.5.4	Số nhiệm vụ quá hạn nhưng chưa hoàn thành	Nhiệm vụ	0	
<b>1.6</b>	<b>Khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức</b>	Có = 1; Không = 0		
1.6.1	Số lượng phiếu khảo sát	Số lượng		
1.6.2	Hình thức khảo sát	Trực tuyến = 0 Phát phiếu = 1 Kết hợp = 2		
<b>1.7</b>	<b>Tổ chức đối thoại của lãnh đạo với người dân, cộng đồng doanh nghiệp</b>	Không = 0 Có = 1		
<b>2</b>	<b>Cải cách thể chế</b>	Văn bản		
<b>2.1</b>	<b>Tổng số VBQPPL ban hành</b>	Văn bản		
2.1.1	Số VBQPPL do cấp tỉnh ban hành	Văn bản	4	
2.1.2.	Số VBQPPL do cấp huyện ban hành	Văn bản		
2.1.3	Số VBQPPL do cấp xã ban hành	Văn bản		
<b>2.2</b>	<b>Kiểm tra, xử lý VBQPPL</b>			
2.2.1	Số VBQPPL đã kiểm tra theo thẩm quyền	Văn bản	0	
2.2.2	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau kiểm tra	%		
2.2.2.1	Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau kiểm tra	Văn bản		
2.2.2.2	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản		
<b>2.3</b>	<b>Rà soát VBQPPL</b>			
2.3.1	Số VBQPPL đã rà soát thuộc thẩm quyền	Văn bản	0	
2.3.2	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau rà soát	%		

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
2.3.2.1	Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau rà soát	Văn bản		
2.3.2.2	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản		
<b>3</b>	<b>Cải cách thủ tục hành chính</b>			
<b>3.1</b>	<b>Thống kê TTHC</b>			
3.1.1	Số TTHC đã được phê duyệt phương án đơn giản hóa	Thủ tục	0	
3.1.2	Số TTHC công bố mới	Thủ tục	1	
3.1.3	Số TTHC bãi bỏ, thay thế	Thủ tục	6	
3.1.4	Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết tại cơ quan, đơn vị	Thủ tục	45	
3.1.4.1	Số TTHC cấp tỉnh (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)	Thủ tục	43	
3.1.4.2	Số TTHC cấp huyện (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)	Thủ tục	2	
3.1.4.3	Số TTHC cấp xã (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)	Thủ tục	0	
<b>3.2</b>	<b>Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông</b>			
3.2.1	Số TTHC liên thông cùng cấp	Thủ tục	0	
3.2.2	Số TTHC liên thông giữa các cấp chính quyền	Thủ tục	0	
3.2.3	Số TTHC đã thực hiện tiếp nhận và giải quyết hồ sơ không phụ thuộc vào địa giới hành chính.	Thủ tục	0	
<b>3.3</b>	<b>Kết quả giải quyết TTHC</b>			
3.3.1	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do các sở, ngành tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	56	
3.3.1.1	Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong	Hồ sơ	56	
3.3.1.2	Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn	Hồ sơ	56	
3.3.2	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp huyện tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	0	
3.3.2.1	Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong	Hồ sơ		
3.3.2.2	Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn	Hồ sơ		
3.3.3	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp xã tiếp nhận được giải quyết	%		

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
	đúng hạn			
3.3.3.1	Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong	Hồ sơ		
3.3.3.2	Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn	Hồ sơ		
3.3.4	Tỷ lệ giải quyết phản ánh, kiến nghị (PAKN) về quy định TTHC	%	0	
3.3.4.1	Tổng số PAKN đã tiếp nhận (trực tiếp hoặc do cơ quan có thẩm quyền chuyển đến)	PAKN	0	
3.3.4.2	Số PAKN đã giải quyết xong	PAKN		
<b>4</b>	<b>Cải cách tổ chức bộ máy</b>			
<b>4.1</b>	<b>Sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy</b>			
4.1.1	Sở, ngành đã hoàn thành việc sắp xếp các phòng chuyên môn đáp ứng các tiêu chí theo quy định của Chính phủ	Chưa = 0 Hoàn thành = 1	1	
4.1.2	UBND cấp huyện đã hoàn thành việc sắp xếp các phòng chuyên môn đáp ứng các tiêu chí theo quy định của Chính phủ	Chưa = 0 Hoàn thành = 1		
4.1.3	Số lượng các ban quản lý trực thuộc UBND cấp tỉnh	Ban		
4.1.4	Số tổ chức liên ngành do cấp tỉnh thành lập	Tổ chức		
4.1.5	Tổng số đơn vị sự nghiệp công lập (ĐVSNCL)	Cơ quan, đơn vị	1	
4.1.5.1	Số ĐVSNCL thuộc UBND tỉnh	Cơ quan, đơn vị		
4.1.5.2	Số ĐVSNCL thuộc sở, ngành và tương đương	Cơ quan, đơn vị	1	
4.1.5.3	Số ĐVSNCL thuộc UBND cấp huyện	Cơ quan, đơn vị		
4.1.5.4	Tỷ lệ ĐVSNCL đã cắt giảm so với năm 2015	%		
<b>4.2</b>	<b>Số liệu về biên chế công chức</b>			
4.2.1	Tổng số biên chế được giao trong năm	Người	22	
4.2.2	Tổng số biên chế có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	20	
4.2.3	Số hợp đồng lao động làm việc tại các cơ quan, tổ chức hành chính	Người	2	
4.2.4	Số biên chế đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	0	
4.2.5	Tỷ lệ phần trăm biên chế đã tinh giản so với năm 2015	%		
<b>4.3</b>	<b>Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị sự</b>			

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
	<b>ng nghiệp công lập</b>			
4.3.1	Tổng số người làm việc được giao	Người	16	
4.3.2	Tổng số người làm việc có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	13	
4.3.3	Số người đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	0	
4.3.4	Tỷ lệ % đã tinh giản so với năm 2015	%		
<b>5</b>	<b>Cải cách chế độ công vụ</b>			
<b>5.1</b>	<b>Vị trí việc làm của công chức, viên chức</b>			
5.1.1	Cơ quan, tổ chức hành chính đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Chưa = 0 Hoàn thành = 1	1	
5.1.2	Đơn vị sự nghiệp đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	1	
5.1.3	Số cơ quan, tổ chức có vi phạm trong thực hiện vị trí việc làm phát hiện qua thanh tra	Cơ quan, đơn vị	0	
<b>5.2</b>	<b>Tuyển dụng công chức, viên chức</b>			
5.2.1	Số công chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	Người	0	
5.2.2	Số công chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt.	Người	0	
5.2.3	Số cán bộ, công chức cấp xã được xét chuyển thành công chức cấp huyện trở lên.	Người	0	
5.2.4	Số viên chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển).	Người	3	
5.2.5	Số viên chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt.	Người	0	
<b>5.3</b>	<b>Số lượng lãnh đạo quản lý được tuyển chọn, bổ nhiệm thông qua thi tuyển (Lũy kế từ đầu năm)</b>	Người	0	
<b>5.4</b>	<b>Số lượng cán bộ, công chức, viên chức bị kỷ luật (cả về Đảng và chính quyền).</b>		0	
5.4.1	Số lãnh đạo cấp tỉnh bị kỷ luật.	Người		
5.4.2	Số lãnh đạo cấp sở, ngành và UBND cấp huyện bị kỷ luật.	Người		
5.4.3	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc sở, ngành và UBND cấp huyện bị kỷ luật.	Người		
5.4.4	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị SNCL bị kỷ luật.	Người		
<b>6</b>	<b>Cải cách tài chính công</b>			

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
<b>6.1</b>	<b>Tỷ lệ thực hiện Kế hoạch giải ngân vốn đầu tư công</b>	%		
6.1.1	Kế hoạch được giao	Triệu đồng		
6.1.2	Đã thực hiện	Triệu đồng		
<b>6.2</b>	<b>Thực hiện tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp (ĐVSN) (lũy kế đến thời điểm báo cáo)</b>			
6.2.1	Tổng số ĐVSN công lập	Đơn vị	1	
6.2.2	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư	Đơn vị		
6.2.3	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị		
6.2.4	Số ĐVSN tự bảo đảm một phần chi thường xuyên	Đơn vị		
6.2.4.1	Số ĐVSN tự bảo đảm từ 70% - dưới 100% chi thường xuyên	Đơn vị		
6.2.4.2	Số ĐVSN tự bảo đảm từ 30% - dưới 70% chi thường xuyên	Đơn vị		
6.2.4.3	Số ĐVSN tự bảo đảm từ 10% - dưới 30% chi thường xuyên	Đơn vị		
6.2.5	Số ĐVSN do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị	1	
6.2.6	Số lượng ĐVSN đã chuyển đổi thành công ty cổ phần (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Đơn vị		
<b>7</b>	<b>Xây dựng và phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số</b>			
<b>7.1</b>	<b>Cập nhật Kiến trúc chính quyền điện tử phiên bản mới nhất</b>	Chưa = 0 Hoàn thành = 1	0	
<b>7.2</b>	<b>Xây dựng và vận hành Hệ thống họp trực tuyến</b> <i>Liên thông 2 cấp: Từ UBND tỉnh - 100% UBND các huyện.</i> <i>Liên thông 3 cấp: Từ UBND tỉnh - 100% UBND cấp huyện, cấp xã.</i>	Chưa có = 0 2 cấp = 1 3 cấp = 2	2	
<b>7.3</b>	<b>Tỷ lệ báo cáo định kỳ được gửi, nhận qua Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia</b>	%		
<b>7.4</b>	<b>Triển khai xây dựng nền tảng chia sẻ, tích hợp dùng chung (LGSP).</b>	Chưa = 0 Đang làm = 1 Hoàn thành = 2	2	

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
<b>7.5</b>	<b>Số liệu về trao đổi văn bản điện tử</b>			
7.5.1	Thực hiện kết nối, liên thông các Hệ thống quản lý văn bản điều hành từ cấp tỉnh đến cấp xã			
7.5.1.1	Sở, ngành đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh	Chưa = 0 Hoàn thành = 1	1	
7.5.1.2	UBND cấp huyện đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh	Chưa = 0 Hoàn thành = 1	1	
7.5.1.3	Tỷ lệ UBND cấp xã đã kết nối, liên thông với UBND huyện.	%		
7.5.2	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của cơ quan, đơn vị (Chỉ thống kê tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử; sử dụng chữ ký số, chứng thư số và gửi trên môi trường điện tử).	%	100%	
7.5.2.1	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của các sở, ban, ngành cấp tỉnh	%	100%	
7.5.2.2	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của UBND cấp huyện	%	100%	
7.5.2.3	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của UBND cấp xã	%		
7.5.3	Xây dựng, vận hành Hệ thống thông tin một cửa điện tử tập trung của tỉnh			
7.5.3.1	Sở, ngành đã kết nối liên thông với Hệ thống	Chưa = 0 Hoàn thành = 1	1	
7.5.3.2	UBND cấp huyện đã kết nối liên thông với Hệ thống	Chưa = 0 Hoàn thành = 1	1	
7.5.3.3	Tỷ lệ đơn vị cấp xã đã kết nối liên thông với Hệ thống	%	100%	
<b>7.6</b>	<b>Cung cấp dịch vụ công trực tuyến</b>			
7.6.1	Tỷ lệ TTHC đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến mức độ 3	%		
7.6.1.1	Tổng số TTHC đủ điều kiện cung cấp trực tuyến mức độ 3	Thủ tục		
7.6.1.2	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3	Thủ tục		
7.6.1.3	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3 có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến	Thủ tục		



STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
7.6.2	Tỷ lệ TTHC đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến mức độ 4	%	100%	
7.6.2.1	Tổng số TTHC đủ điều kiện cung cấp trực tuyến mức độ 4	Thủ tục	100%	
7.6.2.2	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 4	Thủ tục	43	
7.6.2.3	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 4 có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến	Thủ tục	0	
7.6.3	Tỷ lệ TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 đã tích hợp, công khai trên Cổng DVC quốc gia	%	43	
7.6.3.1	Tổng số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 của địa phương	Thủ tục	43	
7.6.3.2	Số TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 đã tích hợp, công khai trên Cổng DVC quốc gia	Thủ tục	43	
7.6.4	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được tiếp nhận trực tuyến mức độ 3 và 4 (Chỉ thống kê đối với các TTHC mức độ 3 và 4 có phát sinh hồ sơ)	%		
7.6.4.1	Tổng số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận (cả trực tiếp và trực tuyến)	Hồ sơ	56	
7.6.4.2.	Số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận trực tuyến	Hồ sơ	56	
7.6.5	Tỷ lệ TTHC được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến	%		
7.6.5.1	Tổng số TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính (tất cả các TTHC có phát sinh phí, lệ phí,...)	Thủ tục		
7.6.5.2	Số TTHC đã được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến trên Cổng DVC quốc gia hoặc trên Cổng DVC của tỉnh.	Thủ tục		

**Phụ lục 03**  
**THỐNG KÊ CÁC VĂN BẢN CHỈ ĐẠO, TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH**

STT	TÊN LOẠI VĂN BẢN	SỐ KÝ HIỆU VĂN BẢN	NGÀY, THÁNG, NĂM BAN HÀNH VĂN BẢN	NỘI DUNG TRÍCH YẾU VĂN BẢN	CƠ QUAN BAN HÀNH VĂN BẢN	GHI CHÚ
1	Quyết định	63/QĐ-UBND	30/9/2021	Đẩy mạnh cải cách hành chính, xây dựng chính quyền điện tử, hướng tới chính quyền số tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2021 – 2025, định hướng đến năm 2030.	UBND tỉnh	
2	Kế hoạch	225/KH-UBND	24/12/2021	Kế hoạch công tác cải cách hành chính của tỉnh Tuyên Quang năm 2022	UBND tỉnh	
3	Kế hoạch	11/KH-UBND	18/1/2022	Kế hoạch Tuyên truyền cải cách hành chính tỉnh Tuyên Quang năm 2022	UBND tỉnh	
4	Kế hoạch	26/KH-UBND	18/1/2022	Kế hoạch thực hiện công tác kiểm soát thủ tục hành chính tỉnh Tuyên Quang năm 2022	UBND tỉnh	
5	Quyết định	52/QĐ-UBND	27/1/2022	Kế hoạch rà soát, đánh giá thủ tục hành chính năm 2022 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.	UBND tỉnh	
6	Công văn	765/UBND-THCBKS	3/10/2022	Thực hiện quy định Quản lý đầu tư ứng dụng CNTT sử dụng vốn ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang	UBND tỉnh	
7	Quyết định	214/QĐ-UBND	3/11/2022	Quyết định phê duyệt cấp độ an toàn hệ thống thông tin Công dịch vụ công và Hệ thống một cửa điện tử tỉnh Tuyên Quang	UBND tỉnh	
8	Quyết định	215/QĐ-UBND	3/11/2022	Quyết định phê duyệt phương án bảo đảm an toàn thông tin Công dịch vụ công và Hệ thống một cửa điện tử tỉnh Tuyên Quang	UBND tỉnh	
9	Quyết định	641/QĐ-UBND	6/6/2022	Ban hành Danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung tỉnh Tuyên Quang	UBND tỉnh	
10	Kế hoạch	55/KH-UBND	12/4/2022	Kế hoạch thực hiện Nghị quyết của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (Khóa XVII) về chuyển đổi số tỉnh Tuyên Quang đến năm 2025, định hướng đến năm 2030	UBND tỉnh	
11	Kế hoạch	01/KH-BCĐ	21/4/2022	Kế hoạch hoạt động của Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số tỉnh Tuyên Quang năm 2022	Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số	

					tỉnh Tuyên Quang	
12	Kế hoạch	69/KH-UBND	27/4/2022	Hỗ trợ, thúc đẩy chuyển đổi số, thanh toán không dùng tiền mặt trong các trường học, cơ sở giáo dục và bệnh viện, cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2022-2025	UBND tỉnh	
13	Kế hoạch	83/KH-UBND	19/5/2022	Triển khai thực hiện Chương trình thúc đẩy phát triển và sử dụng các nền tảng số quốc gia phục vụ chuyển đổi số, phát triển chính phủ số, kinh tế số, xã hội số trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang	UBND tỉnh	
14	Kế hoạch	84/KH-UBND	19/5/2022	Thực hiện Đề án “Nâng cao nhận thức, phổ cập kỹ năng và phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030” trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang	UBND tỉnh	
15	Kế hoạch	94/KH-UBND	26/5/2022	Kế hoạch chuyển đổi IPv6 trong các cơ quan nhà nước tỉnh Tuyên Quang, giai đoạn 2022-2025	UBND tỉnh	
16	Quyết định	641/QĐ-UBND	6/6/2022	Ban hành Danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung tỉnh Tuyên Quang	UBND tỉnh	

**Phụ lục 08**  
**BIỂU MẪU THỐNG KÊ SỐ LIỆU BÁO CÁO CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH ĐỊNH KỲ**  
**THUỘC LĨNH VỰC PHỤ TRÁCH CỦA SỞ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG**

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
	<i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Đơn vị tính	Số liệu	
1	<b>Cập nhật Kiến trúc chính quyền điện tử phiên bản mới nhất</b>	Chưa = 0	0	
		Hoàn thành = 1		
2	<b>Xây dựng và vận hành Hệ thống hợp trực tuyến</b>	Chưa có = 0	2	
	<i>Liên thông 2 cấp: Từ UBND tỉnh - 100% UBND các huyện.</i>	2 cấp = 1		
	<i>Liên thông 3 cấp: Từ UBND tỉnh - 100% UBND cấp huyện, cấp xã.</i>	3 cấp = 2		
3	<b>Triển khai xây dựng nền tảng chia sẻ, tích hợp dùng chung (LGSP).</b>	Chưa = 0	2	
		Đang làm = 1		
		Hoàn thành = 2		
4	<b>Số liệu về trao đổi văn bản điện tử</b>			
4.1	Thực hiện kết nối, liên thông các Hệ thống quản lý văn bản điều hành từ cấp tỉnh đến cấp xã			
4.1.1	<i>Tỷ lệ sở, ngành đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh</i>	%	100%	
4.1.2	<i>Tỷ lệ UBND cấp huyện đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh</i>	%	100%	
4.1.3	<i>Tỷ lệ UBND cấp xã đã kết nối, liên thông với UBND huyện.</i>	%	100%	
4.2	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của địa phương <i>(Chỉ thống kê tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử; sử dụng chữ ký số, chứng thư số và gửi trên môi trường điện tử).</i>	%		Không đủ căn cứ số liệu tính tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử (chỉ tính được tỷ lệ văn bản điện tử sử dụng chữ ký số)
4.2.1	<i>Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của các sở, ban, ngành cấp tỉnh</i>	%		
4.2.2	<i>Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của UBND cấp huyện</i>	%		
4.2.3	<i>Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của UBND cấp xã</i>	%		
4.3	Xây dựng, vận hành Hệ thống thông tin một cửa điện tử tập trung của tỉnh			
4.3.1	<i>Tỷ lệ sở, ngành đã kết nối liên thông với Hệ thống</i>	%	100%	
4.3.2	<i>Tỷ lệ đơn vị cấp huyện đã kết nối liên thông với Hệ thống</i>	%	100%	

4.3.3	Tỷ lệ đơn vị cấp xã đã kết nối liên thông với Hệ thống	%	100%	
<b>5</b>	<b>Cung cấp dịch vụ công trực tuyến</b>			
5.1	Tỷ lệ TTHC đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến mức độ 3	%	100%	
5.1.1	Tổng số TTHC đủ điều kiện cung cấp trực tuyến mức độ 3	Thủ tục	228	
5.1.2	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3	Thủ tục	228	
5.1.3	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3 có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến	Thủ tục	30	
5.2	Tỷ lệ TTHC đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến mức độ 4	%	100%	
5.2.1	Tổng số TTHC đủ điều kiện cung cấp trực tuyến mức độ 4	Thủ tục	1.044	
5.2.2	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 4	Thủ tục	1.044	
5.2.3	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 4 có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến	Thủ tục	134	
5.3	Tỷ lệ TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 đã tích hợp, công khai trên Cổng DVC quốc gia	%	45%	
5.3.1	Tổng số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 của địa phương	Thủ tục	1.272	
5.3.2	Số TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 đã tích hợp, công khai trên Cổng DVC quốc gia	Thủ tục	578	
5.4	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được tiếp nhận trực tuyến mức độ 3 và 4 (Chỉ thống kê đối với các TTHC mức độ 3 và 4 có phát sinh hồ sơ)	%	24%	
5.4.1	Tổng số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận (cả trực tiếp và trực tuyến)	Hồ sơ	65.454	
5.4.2	Số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận trực tuyến	Hồ sơ	15.444	
5.5	Tỷ lệ TTHC được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến	%	100%	
5.5.1	Tổng số TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính (tất cả các TTHC có phát sinh phí, lệ phí,...)	Thủ tục	648	
5.5.2	Số TTHC đã được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến trên Cổng DVC quốc gia hoặc trên Cổng DVC của tỉnh.	Thủ tục	648	